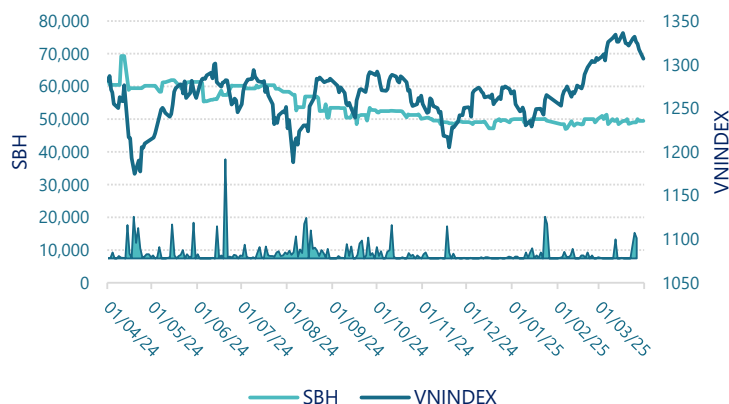


CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ (UPCOM: SBH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	49,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	69,303
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	47,000
SL cổ phiếu LH	124,225,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,325
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,149
P/E	19.7
EPS	2,517

DT thuần

Q1/25

104

tỷ VNĐ

QoQ: ▼143| -58.0%

YoY: ▲ 21.0| 25.1%

LN sau thuế

Q1/25

50.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼105| -67.5%

YoY: ▲ 38.6| 319%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

48.8%

+/- YoY: ▼ 8.1%

DT thuần

2024

628

tỷ VNĐ

YoY: ▼334| -34.7%

LN sau thuế

2024

274

tỷ VNĐ

YoY: ▼213| -43.9%

ROE

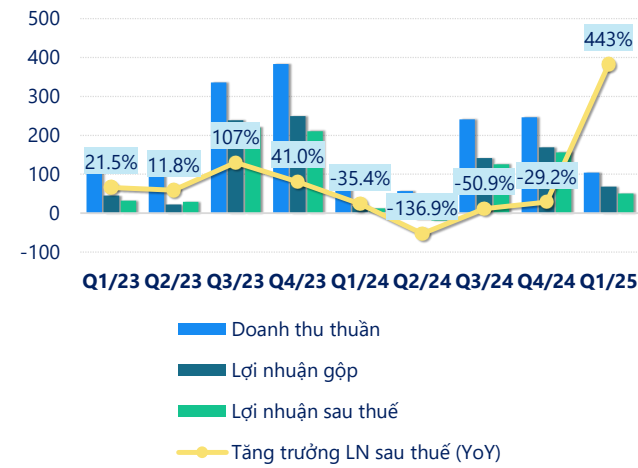
2024

14.5%

+/- YoY: ▼ 7.8%

tỷ VNĐ

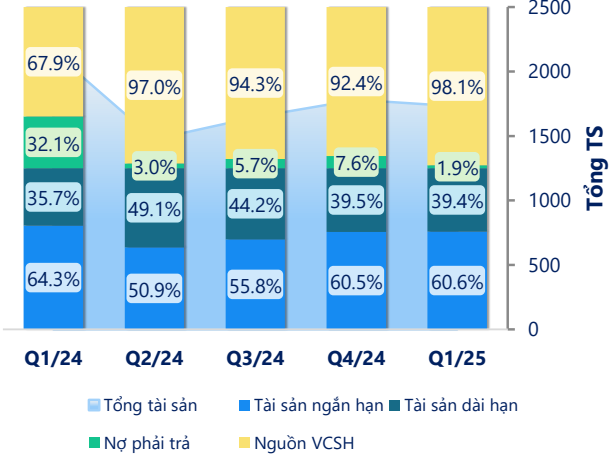
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

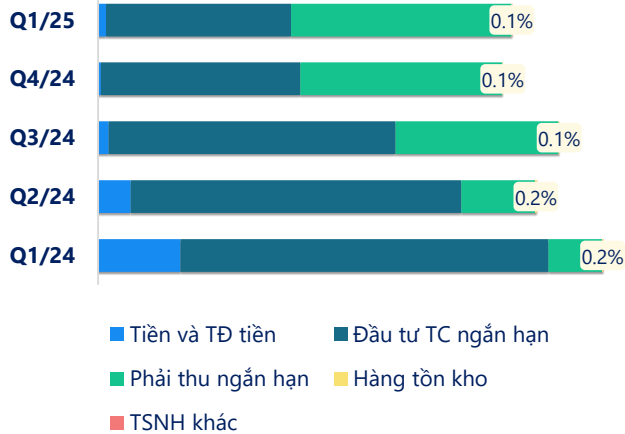
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



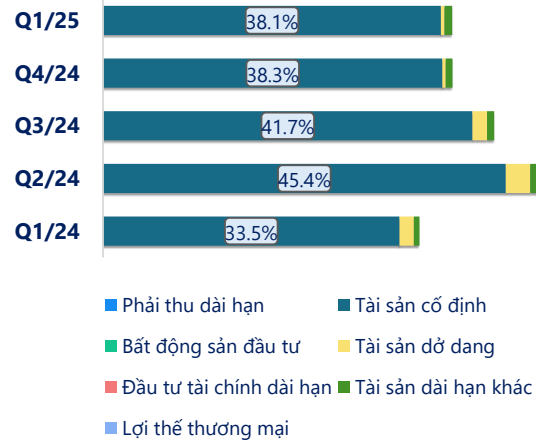
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

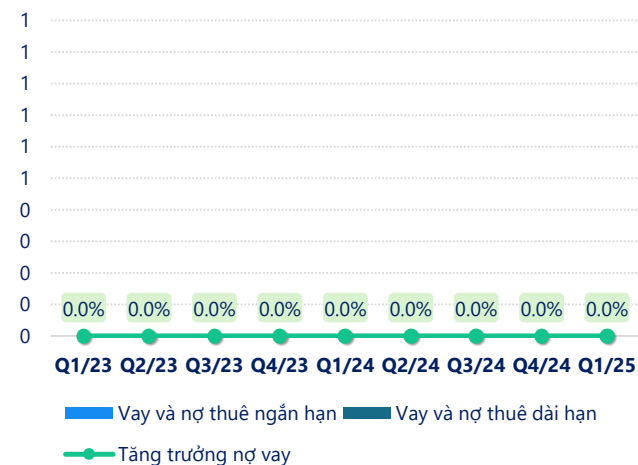
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

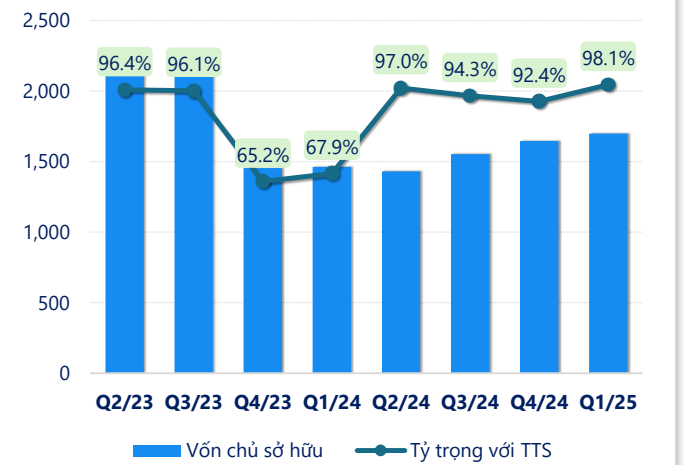
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

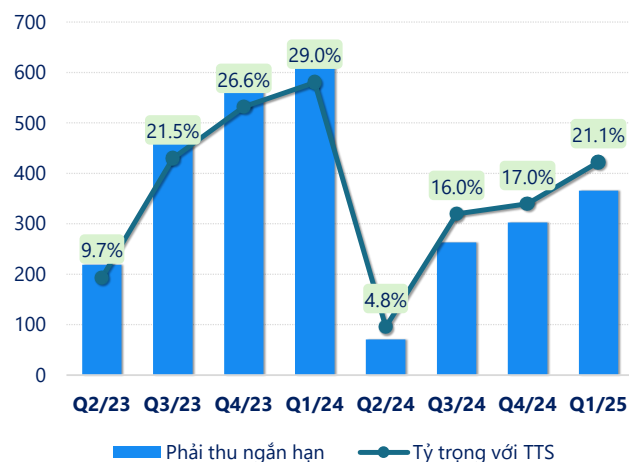
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



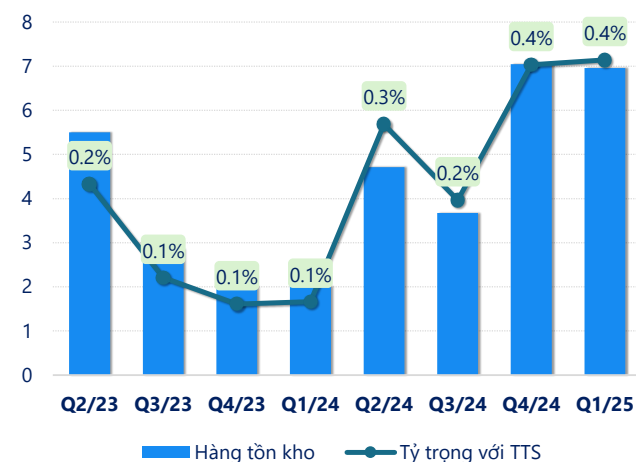
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


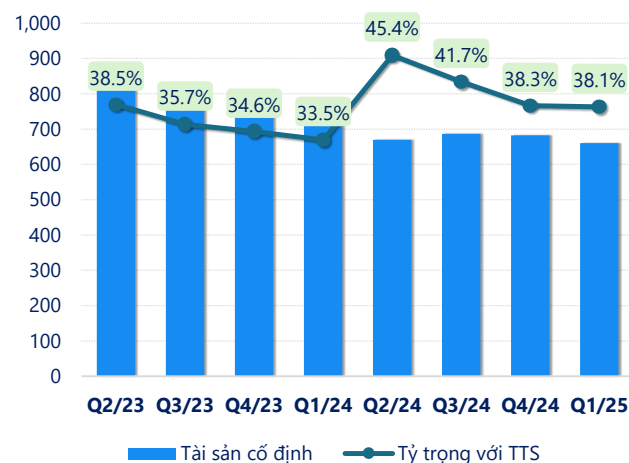
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


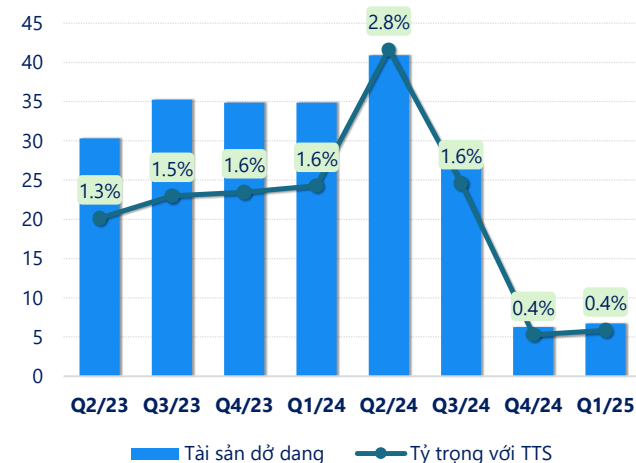
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

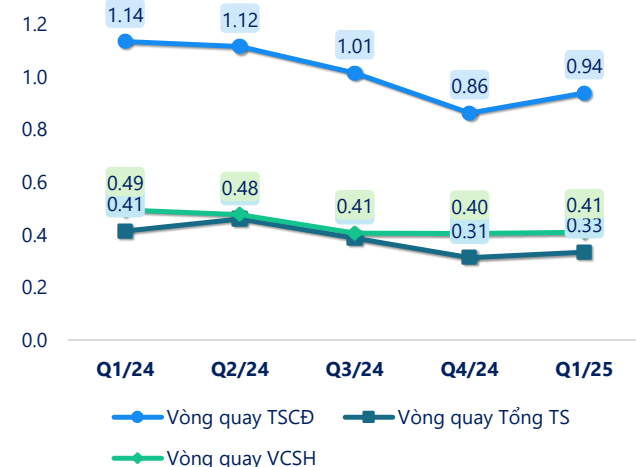
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	2,154	1,473	1,646	1,781	1,731
Tài sản ngắn hạn	1,385	750	919	1,078	1,049
Tiền và tương đương tiền	233	63.0	22.7	6.94	18.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	525	609	630	761	657
Phải thu ngắn hạn	625	70.4	263	302	366
Hàng tồn kho	2.02	4.71	3.67	7.04	6.95
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	2.51	0.03	1.16	1.08
Tài sản dài hạn	769	724	727	703	682
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	721	670	686	682	660
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	34.9	40.9	27.0	6.27	6.74
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	13.3	13.3	13.3	14.1	15.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	691	43.7	93.4	135	32.2
Nợ ngắn hạn	678	30.2	79.9	135	32.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.49	6.52	15.6	28.8	6.56
Nợ dài hạn	13.5	13.5	13.5	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,463	1,430	1,553	1,646	1,699
Vốn chủ sở hữu	1,463	1,430	1,553	1,646	1,699
Vốn điều lệ	1,242	1,242	1,242	1,242	1,242
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)